TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **399**/2023/DS-ST
Ngày 16 - 10 - 2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trương Huỳnh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Tới.

Ông Nguyễn Công Trường.

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời *tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Huỳnh Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 693/2023/TLST-DS ngày 17/8/2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 453/2023/QĐXXST-DS ngày 25/9/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Quốc T, sinh năm 1968.

Bà Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: Khóm 7, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1977.

Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn có mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị C có đề nghị xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Thanh B vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 17/8/2023 của nguyên đơn có tại hồ sơ và tại phiên toà, thể hiện: Vào ngày 18/02/2021 âm lịch nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền 160.000.000 đồng và vào ngày 01/5/2021 âm lịch nguyên đơn tiếp tục cho bị đơn vay thêm số tiền 60.000.000 đồng, thời hạn vay khi nào cần thì nguyên đơn lấy lại, lãi suất thoả thuận 3%/tháng. 02 khoản nợ vay trên nguyên đơn đã đưa đầy đủ trực tiếp cho bị đơn nhận, việc vay tiền do bà L viết biên nhận bị đơn có ký tên. Quá trình thực hiện hợp đồng vay bị đơn không có trả cho nguyên đơn khoản tiền vốn nào, nhưng có trả lại được lãi ở khoản tiền vay 160.000.000 đồng với số tiền lãi

19.200.000 đồng, khoản nợ vay sau không có trả lãi. Nguyên đơn yêu cầu điều chỉnh lãi suất lại theo quy định của pháp luật 20%/năm tính kể từ ngày vay, cụ thể: Khoản nợ vay 160.000.000 đồng bị đơn phải có nghĩa vụ trả lãi cho nguyên đơn là (160.000.000 đồng X 20%/năm X 29 tháng (từ ngày 18/02/2021 âm lịch đến ngày 18/7/2023 âm lịch)) = 77.333.333 đồng; khoản nợ vay 60.000.000 đồng bị đơn phải có nghĩa vụ trả lãi cho nguyên đơn là (60.000.000 đồng X 20%/năm X 26 tháng (01/5/2021 âm lịch đến ngày 01/7/2023 âm lịch)) = 26.000.000 đồng. Tổng số lãi phải trả cho chúng tôi tính đến hết tháng 07/2023 âm lịch nay là 103.333.333 đồng trừ đi lãi đã đóng 19.200.000 đồng, còn lại lãi phải thanh toán là 84.133.333 đồng.

Nay yêu cầu Tòa án buộc bị đơn có trách nhiệm liên đới trả tổng số tiền 304.133.333 đồng (trong đó nợ gốc là 220.000.000 đồng, nợ lãi 84.133.333 đồng).

- Lời trình bày của bị đơn bà Nguyễn Thị C có tại hồ sơ, thể hiện: Bị đơn là vợ chồng. Bị đơn có quan hệ quen biết anh em bạn bè với nguyên đơn. Vào ngày 18/02/2021 âm lịch bị đơn có hỏi vay của nguyên đơn số tiền 160.000.000 đồng; ngày 01/5/2021 âm lịch bị đơn tiếp tục hỏi mượn thêm của nguyên đơn số tiền 60.000.000 đồng. Lãi suất thoả thuận cho vay 3%/tháng. Bị đơn nhận trực tiếp nhận tổng số tiền 220.000.000 đồng từ nguyên đơn đưa. Việc vay tiền có làm biện nhận do bà L viết, bị đơn có ký tên. Mục đích vay tiền là dùng vào việc xây cất nhà là tài sản chung của vợ chồng. Quá trình vay vợ chồng bị đơn không có trả vốn. Nhưng có trả lãi đối với khoản nợ 160.000.000 đồng được vài tháng không nhớ bao nhiêu và không có gì chứng minh, vợ chồng nguyên đơn thừa nhận lãi đã đóng 19.200.000 đồng thì đồng ý.

Nay bà C đồng ý có trách nhiệm liên đới với ông B trả cho vợ chồng nguyên đơn số tiền vốn 220.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm kể từ ngày vay.

- Đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh B: Tòa án đã triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần để xét xử, nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án bị đơn cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên phát biểu:

Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tiến hành và thực hiện đúng theo quy định. Riêng đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh B đã không chấp hành đúng nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn

tổng số tiền 304.133.333 đồng (trong đó nợ gốc là 220.000.000 đồng, nợ lãi 84.133.333 đồng). Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về thủ tục:* Bị đơn bà Nguyễn Thị C có đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Thanh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền nợ vay, nên khởi kiện yêu cầu Toà án buộc bị đơn thanh toán tiền nợ vay và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463 Bộ luật dân sự.

[3] *Về pháp luật áp dụng:* Áp dụng quy định của Bộ luật dân sự hiện hành và các văn bản quy phạm pháp luật quy định C tiết để giải quyết là phù hợp.

[4] *Về nội dung tranh chấp và xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn:*

[4.1] Về nợ gốc: Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tiến hành tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Thanh B biết các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng không nhận được tài liệu, chứng cứ hay ý kiến gì của bị đơn ông Nguyễn Thanh B phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ là *"Giấy cho mượn nợ"* – bút lục số 02 do nguyên đơn cung cấp và lời khai của bị đơn bà Nguyễn Thị C thì xác định được vợ chồng bị đơn thực tế có vay của nguyên đơn tổng số tiền nợ gốc 220.000.000 đồng, nguyên đơn cho rằng bị đơn chưa thanh toán toàn bộ khoản tiền nợ gốc, bị đơn bà Nguyễn Thị C thừa nhận chưa thanh toán toàn bộ nợ gốc và bị đơn ông Nguyễn Thanh B không có ý kiến phản đối, nên có căn cứ khẳng định vợ chồng bị đơn còn nợ vợ chồng nguyên đơn tổng số nợ gốc ở 02 khoản vay là 220.000.000 đồng.

[4.2] Về nợ lãi: Do đã chứng minh được vợ chồng bị đơn chưa thanh toán nợ gốc 220.000.000 đồng và quá trình vay vợ chồng bị đơn chỉ trả được lãi 19.200.000 đồng, nên yêu cầu của vợ chồng nguyên đơn đối với số tiền nợ lãi trên nợ gốc chưa thanh toán là có căn cứ để xem xét. Lãi suất thỏa thuận giữa các bên 3%/tháng là vượt quá quy định của pháp luật, nên cầu điều chỉnh mức lãi suất 20%/năm. Hội đồng xét xử xét thấy mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu bằng mức điều chỉnh theo quy định của pháp luật X với thời gian kể từ ngày vay (ngày 18/01/2021 âm lịch và ngày 01/5/2021 âm lịch) cho đến (ngày 18/7/2021 âm lịch và ngày 01/7/2023 âm lịch) X nợ gốc thì số tiền lãi bị đơn phải trả theo yêu cầu của nguyên đơn 84.133.333 đồng là đúng (đã đối trừ xong tiền lãi trả trước 19.200.000 đồng.

[4.3] Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nợ gốc và nợ lãi vay theo thỏa thuận giữa các bên và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của vợ chồng cùng xác lập trong thời kỳ hôn nhân, nên cần buộc bị đơn phải có trách nhiệm liên đới cho nguyên đơn số tiền 304.133.333 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 220.000.000 đồng, nợ lãi 84.133.333 đồng) là đúng theo quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự và Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

Từ những lập luận, phân tích, đánh giá chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận và có đầy đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi nêu trên.

[5] *Về án phí:* Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là 5% trên tổng số tiền theo yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí, số tiền tạm ứng án phí của nguyên đơn đã dự nộp trước được hoàn lại toàn bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

1. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Quốc T và bà Nguyễn Ngọc L.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Thanh B và bà Nguyễn Thị C có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn ông Trần Quốc T và bà Nguyễn Ngọc L tổng số tiền 304.133.333 đồng (trong đó nợ gốc là 220.000.000 đồng, nợ lãi 84.133.333 đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền nói trên, thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền nói trên tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch:

- Buộc bị đơn ông Nguyễn Thanh B và bà Nguyễn Thị C phải nộp là 15.206.666 đồng (Chưa nộp).

- Nguyên đơn ông Trần Quốc T và bà Nguyễn Ngọc L đã dự nộp tiền tạm ứng án phí trước với số tiền là 7.603.000 đồng theo biên lai thu số: 0007278 ngày 17/8/2023 của C cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được hoàn lại toàn bộ.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- C cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự, NTGTT khác;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)

Trương Huỳnh Hải